

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm căn cứ xây dựng giá các mặt hàng hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2026-2027 tại đơn vị với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An

2. Thông tin liên hệ của người tiếp nhận báo giá

DS. Trần Nữ Trà My, khoa Dược – Vật tư Y tế

Điện thoại: 097 112 4104

3. Cách thức, địa chỉ nhận báo giá:

Gửi trực tiếp 01 bộ hồ sơ có chữ ký, đóng dấu xác nhận của đơn vị về địa chỉ: Khoa Dược – Vật tư Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Yêu cầu: Hồ sơ báo giá được niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ nội dung “Báo giá các mặt hàng hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế phục vụ hoạt động chuyên môn năm 2026-2027”.

4. Thời hạn nhận báo giá: Đến trước 17 giờ 00 phút ngày 27/01/2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày báo giá.

6. Thư mời được đăng tải công khai trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn>, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An có địa chỉ: <https://cdcnghean.vn>

Bên báo giá đồng ý cho bên mời báo giá được quyền sử dụng hoặc loại bỏ các thư báo giá mà không phải thông báo về lý do với đơn vị tham gia báo giá.

Khối lượng hàng hóa của các danh mục trong thư mời chào giá có thể tăng hoặc giảm theo nhu cầu thực tế của Bên mời báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa báo giá (chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm).
2. Mẫu đề các đơn vị cung cấp báo giá (chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm).
3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, địa chỉ: Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Rất mong nhận được sự hợp tác của quý đơn vị./. *2/10/2023*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hệ thống đấu thầu quốc gia;
- Ban GĐTT (để biết);
- Website CDC;
- Lưu: VT, tổ MSHCVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Đình Du



Phụ lục 1: Danh mục hàng hóa báo giá

(Kèm theo Thư mời số **35** /TM-KSBT ngày **14** tháng 01 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
1	Dung dịch sát khuẩn Povidone Iod	50	Lit	Thành phần chứa Povidone Iodine (9-12%) iod; tương đương (0,85-1,2%) iod tự do	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 lit/ chai	
2	Gel bôi trơn	330	Tuý p	Thành phần gồm: Chlorhexidine, Degluconate and Methyl Hydroxybenzoate. Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo... đã được tiệt trùng.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	82 gam/ tuýp	
3	Test phát hiện kháng nguyên NS1 Virus Dengue	200	Test	Phát hiện và phân biệt kháng nguyên virus Dengue NS1, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần. Hoạt chất và thành phần chính: • 1 khay thử bao gồm: Cộg hợp vàng: Kháng thể đơn dòng từ chuột kháng Dengue ns1-keo vàng ($0.27 \pm 0.05 \mu\text{g}$). Vạch thử: kháng thể đơn dòng từ chuột kháng Dengue Ns1 ($0.72 \pm 0.14 \mu\text{g}$). Vạch chứng: IgG Dê kháng chuột ($0.72 \pm 0.14 \mu\text{g}$) Độ nhạy 92,8% và độ đặc hiệu là 98,4%.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	25 test/hộp	
4	La men	30.000	Cái	Kích thước 22x22mm, dày 0.16- 0.19 có độ trong suốt cao chất lượng đảm bảo dễ giúp kết quả xét nghiệm được chính xác.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong,	100 cái/hộp	



TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
					phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An		
5	Dung dịch khử khuẩn trang thiết bị y tế	50	Can	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao và diệt khuẩn các dụng cụ không chịu nhiệt. Thành phần chính Glutaraldehyde 2%	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	5 lit/can	
6	Viên nén khử khuẩn	14.800	Viên	Dùng để khử khuẩn dụng cụ, khử khuẩn thiết bị y tế và khử khuẩn bề mặt Thành phần: 50% w/w Sodium Dichloroisocyanurate (2,5 gram Sodium Dichloroisocyanurate/ viên 5 gram - tương đương với 1,5 gram Clorin hoạt tính/ viên 5 gram). Acid citric	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	100 viên/ hộp	
7	Gel Siêu âm	345	Can	Gen siêu âm đồng nhất, không lẫn bọt khí, vật thể lạ giúp sóng siêu âm truyền dẫn tốt trong môi trường gel, được dùng trong siêu âm chẩn đoán y tế, gel không chứa chất ăn mòn, không chứa formaldehyde và muối, đặc biệt không gây dị ứng, không gây kích ứng cho da	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	5 lít/ can	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
8	Bơm tiêm 0.1ml	1.000	cái	Bơm tiêm nhựa 0,1ml, cỡ kim 27G, đầu sắc nhọn, có nắp đậy. Vô trùng, không chất gây sốt. Đóng gói riêng từng cái	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	01 bơm kim tiêm/đơn vị đóng gói, gồm bơm tiêm, kim tiêm, nắp chụp bảo vệ được hàn kín trong một đơn vị đóng gói (túi PE), sau đó sản phẩm được xử lý tiệt trùng bằng khí E.O theo quy trình kín. - Bao gói hộp nhỏ (Duplex): 100 chiếc bơm kim tiêm/hộp.	
9	Đèn Clar khám tai mũi họng	10	bộ	Bóng đèn LED, có độ sáng cao và gom ánh sáng tốt	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	01 bộ/hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
10	Dung dịch rửa điện giải	1.350	ml	Dung dịch rửa máy sinh hóa, thành phần: Hypochlorite	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	450ml/ Bình (Hộp)	
11	Dung dịch rửa máy (Chất tẩy kiềm mạnh để loại bỏ các chất phản ứng trên máy xét nghiệm huyết học)	560	ml	1. Công dụng: một chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh để loại bỏ các thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy xét nghiệm huyết học tự động, máy phết và nhuộm lam. 2. Sử dụng cho quá trình auto shutdown 3. Bảo quản: 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp 4. Thành phần: Sodium Hypochloride (nồng độ clo 5.0%) 5. Tính năng tự động tắt toàn bộ hệ thống: khi đặt hóa chất vào đúng vị trí trên khay mẫu rồi đặt khay mẫu vào bộ phận nạp mẫu trên thiết bị ở trạng thái sẵn sàng, quy trình tắt máy sẽ được thực hiện tự động. Xuất xứ G7. Tương thích với máy XN-330, hãng Sysmex.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	(20 ống x4ml/ống)/Hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
12	Khay thử xét nghiệm kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2	6.000	Test	Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 99.59%, Độ đặc hiệu: 99.87% - Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm khẳng định HIV của viện Vệ sinh dịch tễ TW năm 2020 - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	40 test/hộp	
13	Test nhanh phát hiện kháng thể virus HIV	500	Test	Xác định sự hiện diện của kháng thể kháng HIV trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần. Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: $\geq 99,75\%$. Cho kết quả nhanh tại 15 phút, độ ổn định của kết quả đạt 60 phút	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	10 test/liếp, 10 liếp/ túi, (100 test/ túi)	
14	Đầu côn có lọc 200uL	9.600	Cái	- Đầu côn có lọc 1-200 μ l - Vật liệu: làm từ nhựa polypropylene (PP) - Được tiệt trùng bằng EO, tia E-beam/Gamma - Không chứa Pyrogen, Dnase, Rnase - Chịu nhiệt độ cao: 121 ° C trong 20 phút - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	96 cái/hộp	
15	Kim chích máu, loại đầu xoay	6.000	Cái	Chất liệu: Thép không gỉ, Tay cầm nhựa PVC - Màu sắc: Xanh da trời - Mục đích: Lấy mẫu máu để thử đường huyết, kiểm soát bệnh tiểu đường - Tiệt trùng: radiation, Vô trùng - Thời hạn sử dụng: 60 tháng - Lưu trữ: 4-30 độ C - loại 28g Chứng chỉ: CE, ISO 13485, FSC	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	100 cái/hộp, 20.000 cái/thùng	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
16	Que thử nước tiểu 11 thông số	60.000	test	Que thử nước tiểu tương thích với máy Anyscan 300, Blood, Bilirubin, Urobilinogen, Ketone, Protein, Nitrite, Glucose, pH Specific Gravity, Leukocytes, Ascorbic Acid. (BLO/BIL/URO/KET/PRO/NIT/GLU/pH/SG/LEU/ASC)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	100 test/ hộp	
17	Giấy in nhiệt	660	cuộn	Màu sắc: Màu trắng, Hình thức: Dạng cuộn, giấy in nhiệt chủ yếu dùng trong y tế kích thước: cao 50mm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	10 cuộn/ hộp	
18	Vật tư xét nghiệm kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	8	Lọ	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, HBDH, LDH,; Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein,; UIBC, Urea & Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1. Chất kiểm chứng 1 mức	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1x5ml/ Lọ	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
19	Vật tư xét nghiệm kiểm chứng mức cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	8	Lọ	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2. Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, HBDH, LDH, Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein, UIBC, Urea, Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1. Chất kiểm chứng 1 mức	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1x5ml/ Lọ	
20	Định lượng Acid Uric	1	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng axit uric; Thành phần: Phosphate Buffer (pH 7.5) 42 mmol/L; MADB 0.15 mmol/L; 4-Aminophenazone 0.30 mmol/L; Peroxidase ≥ 5.9 kU/L (98 μ kat/L); Uricase ≥ 0.25 kU/L (4.15 μ kat/L); Ascorbate Oxidase ≥ 1.56 kU/L (26 μ kat/L).; Phương pháp: Uricase; Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 1,5–30 mg/dL (89–1785 μ mol/L), Nước tiểu: 2–400 mg/dL (119–23800 μ mol/L); Bước sóng: 660nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV $\leq 1,76\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 2,44\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 11 test	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	(4x30mlR1 + 4x12.5mlR2) / Hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
21	Định lượng Urea	1	Hộp	Hóa chất xét nghiệm dùng cho xét nghiệm định lượng urê; Thành phần: Tris buffer 100 mmol/L; NADH $\geq 0,26$ mmol/L; Tetra-Sodium diphosphate 10 mmol/L; EDTA 2,65 mmol/L; 2-Oxoglutarate $\geq 9,8$ mmol/L; Urease $\geq 17,76$ kU/L; ADP $\geq 2,6$ mmol/L; GLDH $\geq 0,16$ kU/L.; Phương pháp: GLDH, Kinetic; Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 5–300 mg/dL (0,8–50,0 mmol/L) Nước tiểu: 60–4500 mg/dL (10–750 mmol/L); Bước sóng: 340nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: $CV \leq 2,28\%$; Độ chụm toàn phần: $CV \leq 3,41\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	(4 lọ R1 x25ml+4 lọ R2 x25ml)/ Hộp	
22	Hoá chất hiệu chuẩn HDL-Cholesterol	2	Lọ	Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người).; Chất hiệu chuẩn 1 mức; Giá trị chất hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu HDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	(2 lọ x3ml/lọ)/ Hộp	
23	Hoá chất hiệu chuẩn LDL-Cholesterol	2	Lọ	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người).; Chất hiệu chuẩn 1 mức; Giá trị chất hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	(2 lọ x1ml/lọ)/ Hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
24	Hoá chất kiểm chứng HDL/LDL Cholesterol	2	Lọ	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người); Chất kiểm chứng 2 mức; Các giá trị có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu HDL và LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1x5ml/ Lọ	
25	Dung dịch Xanh Cresyl	1.000	ml	Dung dịch xanh cresyl Brilliant được sử dụng trong huyết học làm dung dịch nhuộm để kiểm tra hồng cầu lưới trong màng máu. Thành phần: Brilliant cresyl blue 1.00 gm Sodium choride 0.85 gm Distilled water 100.00 ml Dung dịch màu xanh đậm, trong suốt. Bảo quản dưới 30°C trong hộp đậy kín và tránh ánh sáng.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500ml/chai	
26	Kít thử chẩn đoán virus Viêm gan B (HBsAg)	6.000	Test	Là dụng cụ xét nghiệm sắc ký miễn dịch định tính bằng phương pháp xét nghiệm dòng chảy một chiều để phát hiện sự có mặt của kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Độ nhạy 98,74% - 100 % . Độ đặc hiệu 99,88% . Độ chính xác 99,91 %	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	30 test/hộp	
27	Kít thử chẩn đoán virus Viêm gan C (Anti HCV)	2.000	Test	Là dụng cụ xét nghiệm sắc ký miễn dịch định tính bằng phương pháp xét nghiệm dòng chảy một chiều để phát hiện sự có mặt của kháng thể (Anti HCV) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 99,3%	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	50 test/ hộp hoặc quy cách khác	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
28	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể Syphilis	5.000	Test	Là dụng cụ xét nghiệm sắc ký miễn dịch định tính bằng phương pháp xét nghiệm dòng chảy một chiều định tính kháng thể (IgG, IgM, IgA..) chống Treponema pallidum (Tp) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Độ nhạy 99,3%, độ đặc hiệu 99,5%	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	30 test/hộp hoặc quy cách khác	
29	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Chlammydia	5.000	Test	Là dụng cụ xét nghiệm sắc ký miễn dịch định tính bằng phương pháp xét nghiệm dòng chảy một chiều định tính kháng nguyên trực tiếp Chlammydia Trachomatis trong bệnh phẩm đường sinh dục Độ nhạy 95%, độ đặc hiệu 98-100%	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	30 test/hộp hoặc quy cách khác	
30	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HAV	500	Test	- Định tính phát hiện kháng thể IgM HAV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy tương quan: $\geq 90,6\%$, Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 97,6\%$	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	30 test/hộp hoặc quy cách khác	
31	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG/IgM kháng HEV	500	Test	Định tính phát hiện kháng thể IgM HEV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Độ nhạy tương quan: $\geq 98,1\%$, Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99,2\%$	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	30 test/hộp hoặc quy cách khác	
32	Bộ dung dịch nhuộm vi sinh (Bộ nhuộm Ziehl neelsen)	30	Bộ	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi trực tiếp để phát hiện vi khuẩn kháng cồn - kháng acid. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbo Fuchsin chai 100ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) chai 100ml và Methylene Blue chai 100ml.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	100ml/bộ/ Hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
33	Bộ dung dịch nhuộm vi sinh (Bộ nhuộm Gram)	100	Bộ	Bộ nhuộm Gram là bộ hóa chất được sử dụng trong kỹ thuật nhuộm Gram nhằm phân biệt vi khuẩn gram dương và gram âm dựa vào cấu trúc vách tế bào. Bao gồm 4 dung dịch thuốc nhuộm gồm: Thuốc nhuộm chính, chất cố định màu, chất tạo màu, thuốc nhuộm đối chứng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	(100ml/chai x 4 chai)/ Bộ	
34	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng lại vi rút Viêm não Nhật Bản	960	Test	Xét nghiệm ELISA dùng phát hiện các kháng thể IgM trong huyết thanh người kháng với kháng nguyên tái tổ hợp được dẫn xuất từ JEV (JEV-derived recombinant antigen - JERA) (1-4). Tổng thời gian ủ 195 phút Đọc kết quả ở bước sóng 450nm Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 100% Không có phản ứng chéo với yếu tố dạng thấp, Kháng thể kháng nhân, Cytomegalovirus, Epstein-Barr virus, Varicella-zoster virus, Virus Viêm gan B, Virus Viêm gan C, Sốt rét. Bảo quản: 2-8°C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	96 test/hộp	
35	Bộ xét nghiệm định lượng, định tính kháng thể IgM kháng lại vi rút Sởi	960	Test	Xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể IgM của người trong huyết thanh hoặc huyết tương kháng lại Virus Sởi Thành phần bộ xét nghiệm: - Khay vi giếng: 12 cái. Các thanh xét nghiệm có thể bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. - Huyết thanh chuẩn: 2 x 2 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Huyết thanh chứng âm: 2 ml, sẵn sàng để sử dụng.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	96 test/hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				dụng. - Chất liên hợp kháng IgM người: 13 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Dung dịch rửa đậm đặc: 33.3 ml - Đệm pha loãng: 2 x 50 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Dung dịch dừng phản ứng: 15 ml, sẵn sàng để sử dụng. - Cơ chất: 13 ml, sẵn sàng để sử dụng Tỉ lệ pha loãng: 1:101, Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37°C và 15 phút ở nhiệt độ phòng Đọc kết quả ở bước sóng 405 nm Độ nhạy: 98.9% Độ đặc hiệu: > 99.0% Độ chụm nội xét nghiệm: 1.9% - 2.8% Độ chụm liên xét nghiệm: 5.2% - 9.3% Độ đặc hiệu: không có phản ứng chéo đáng kể với virus Mumps IgM, virus cúm IgM, Virus Epstein-Barr VCA IgM, Adenovirus IgM, Rubella Virus IgM, Virus hợp bào hô hấp IgM, Parvovirus IgM, Chikungunya Virus IgM và virus Dengue IgM. Độ ổn định: ở 2-8 độ C trong 22 tháng			
36	Bộ xét nghiệm định lượng và định tính kháng thể IgM kháng lại vi rút Dengue	288	Test	Xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện kháng thể IgM người kháng lại virút Dengue (DEN 1-4) trong huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần bộ xét nghiệm: - Khay vi giếng: 12 thanh. Các thanh xét nghiệm có thể bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	96 test/hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				- Huyết thanh chuẩn: 2 x 2 ml, sẵn sàng để sử dụng - Huyết thanh chứng âm: 2 ml, sẵn sàng để sử dụng - Chất liên hợp kháng IgM người: 13 ml, sẵn sàng để sử dụng - Dung dịch rửa đậm đặc: 33.3 ml - Đệm pha loãng: 2 x 50 ml, sẵn sàng để sử dụng - Dung dịch dừng phản ứng: 15 ml, sẵn sàng để sử dụng - Cơ chất: 13 ml, sẵn sàng để sử dụng Tỉ lệ pha loãng: 1:101, Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 15 phút ở nhiệt độ phòng Độc kết quả ở bước sóng 405 nm Độ nhạy: 96.2% Độ đặc hiệu: > 99.3% Độ chụm nội xét nghiệm: 1.9% - 6.8% Độ chụm liên xét nghiệm: 5.2% - 7.7% Độ đặc hiệu: không có phản ứng chéo đáng kể với FSME / TBE IgM, Borrelia burgdorferi IgM, Virus cúm A IgM và Leptospira IgM Độ ổn định: ở 2-8oC trong 22 tháng			

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
37	Test phát hiện kháng thể IgM/IgG kháng virus Dengue	200	Test	Phát hiện và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng Dengue, Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh, Huyết tương, Máu toàn phần xét nghiệm Dengue IgG/IgM bao gồm: Cộng hợp vàng (thành phần chính): protein vỏ của vi rút Dengue tái tổ hợp-keo vàng ($1 \pm 0,2$ mg). Vạch thử “G” (thành phần chính): kháng thể đơn dòng từ chuột kháng IgG người (5 ± 1 mg). Vạch thử “M” (thành phần chính): kháng thể đơn dòng từ chuột kháng IgM người (5 ± 1 mg). Vạch chứng (thành phần chính): IgG từ thỏ kháng Dengue ($2,5 \pm 0,5$ mg). Dung môi thử nghiệm bao gồm: 100 mM đệm phosphate (5 ml), natri azide (0.01%w/w) Độ nhạy 92,8% và độ đặc hiệu là 98,4%.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	30 hoặc 50 test/hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
38	Môi trường tách tinh trùng	2	Hộp	Là hệ Gradient để tách tinh trùng dùng trong hỗ trợ sinh sản. Ph 7.2-7.9 Osmolality lớp trên Upperlayer - 45%: 280-33-10 mOsm/kg Lớp 80%: 290-330 mOsm/kg Lớp dưới(Lower layer -90%: 290-330 mOsm/kg Mật độ: 80%~1097-1107g/l 90%: ~1105-1115 g/l Độ trong: Không có lắng cặn hoặc tạp chất Đảm bảo vô khuẩn Endotoxin<0.5EU/ml Khả năng bảo tồn tinh trùng: đảm bảo >80% tinh trùng di động sống sau 4h tiếp xúc Tình trạng: Dạng lỏng, trong suốt, sẵn sàng sử dụng ngay không cần pha loãng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	(5 lọ x 20ml/lọ)/Hộp	
39	Pipet paster thủy tinh	200	Cái	Là ống thủy tinh hình trụ, thuôn đầu nhỏ giọt dài dùng kèm bóng cao su Chất liệu bằng thủy tinh Borosilicate hoặc soda lime chất lượng cao; chịu nhiệt khi hấp sấy >180 độ C; chịu được acid, kiềm loãng Chiều dài 150mm hoặc 230mm, đầu nhỏ giọt thuôn đều. Vô trùng, đảm bảo không có DNase hoặc RNase	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Gói 01 cái	
40	Môi trường bảo quản, vận chuyển mẫu vi rút	100	Ống	Sử dụng cho tách chiết DNA/RNA virus từ mẫu huyền dịch (huyền phù), mẫu quét bề mặt, mẫu dịch phết (y tế)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	3ml/ống	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
41	Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ	6.600	Cái	Chất liệu: ống, nắp nhựa, cán bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc, đã tiệt trùng.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 cái/hộp, 100 hộp/gói	
42	Tấm bông vô trùng lấy bệnh phẩm ty hầu, cán nhựa	200	Cái	Chất liệu cán bằng nhựa PP/ABS, đầu bông nylon flocked, chiều dài 150mm, có khắc bẻ ở vị trí 85mm. Đóng gói riêng từng chiếc, đã tiệt trùng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 cái /gói; 10 gói/vi	
43	Que cấy (Stick/Loop)	50	Cái	Dùng cho các quy trình cấy vi sinh, size 10ul, nhựa HIPS, đã tiệt trùng.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 cái/túi	
44	Ống nghiệm nhựa không có chất chống đông	500	Cái	Ống nghiệm làm bằng nhựa PP, trong suốt có dán nhãn hoặc không	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	250 cái/túi	
45	Đầu côn có lọc 1000uL	50.960	Cái	- Đầu côn có lọc 1-1000µl - Vật liệu: làm từ nhựa polypropylene (PP) - Được tiệt trùng bằng EO, tia E-beam/Gamma - Không chứa Pyrogen, Dnase, Rnase - Chịu nhiệt độ cao: 121 ° C trong 20 phút - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	96 cái/hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
46	Axit hydrochloric HCl	20	Chai	Công thức hóa học: HCl Tỷ lệ (HCl) : 36.0~38.0 % Khối lượng phân tử: 36.45 g/mol Trạng thái: Chất lỏng vàng nhạt hoặc không màu	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500ml/chai hoặc quy cách khác	
47	Axit nitric HNO3	20	chai	Công thức hóa học: HNO3 Độ tinh khiết: ≥ 65.0 % Khối lượng phân tử: 63.01 g / mol Xuất hiện: Chất lỏng bốc khói không màu Chai 500ml.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	chai 500ml hoặc quy cách khác	
48	Acid sulfuric	10	chai	Công thức hóa học: H2SO4 Phân tử khối lượng: 98,07 g/mol Trạng thái: Chất lỏng không màu Chai 500ml.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Chai 500ml hoặc quy cách khác	
49	Natri hypochlorite (NaClO)	1	Chai	Độ tinh khiết: >5,0% Chất lỏng, màu vàng nhạt Khối lượng phân tử: 74,44 g / mol Tỷ trọng: 1.09g/cm ³ (20°C) Bảo quản: 0°C~6°C Quy cách: chai 500ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500ml/chai hoặc quy cách khác	
50	Amoni nitrat	1	Lọ	Màu sắc: Bột màu trắng Độ tinh khiết $\geq 98\%$ Khối lượng phân tử: 80.04 g/mol Quy cách: lọ 500g	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/lọ hoặc quy cách khác	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
51	Anhydric chromic	1	Lọ	Độ tinh khiết $\geq 98.0\%$ Khối lượng phân tử: 99.99 g/mol Tỉ trọng: 2.7g/cm ³	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/lọ hoặc quy cách khác	
52	Phenylhydrazine hydrochlorid	1	Lọ	Độ tinh khiết $\geq 98.0\%$ Công thức hóa học: C ₆ H ₈ N ₂ .HCl. Khối lượng phân tử: 144,6g/mol. Dạng bột, màu trắng.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	25g/lọ hoặc quy cách khác	
53	Ống chuẩn AgNO ₃ 0,1N	1	Hộp	Nồng độ :c(AgNO ₃) = 0.1 mol/l (0.1 N) Dạng: hỗn hợp lỏng, không màu, không mùi Tỷ trọng: 1.27 g/cm ³ (20 °C) Giá trị pH: 7 – 9 (H ₂ O, 20 °C) Quy cách đóng gói: Ống nhựa Bảo quản ở nhiệt độ: +15°C to +25°C. Quy cách: 1 ống/hộp	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 ống/hộp hoặc quy cách khác	
54	Dung dịch chuẩn Cyanide (CN) 1000mg/L	1	Chai	Trạng thái: Chất lỏng không màu Khối lượng riêng: 1.00 g/cm ³ (20 °C) Độ pH: 9 - 10 (H ₂ O, 20 °C) Nồng độ β (CN ⁻): 990 - 1010 mg/l Bảo quản ở nhiệt độ từ +15°C đến +25°C.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500ml/chai hoặc quy cách khác	
55	Ống chuẩn EDTA 0,1N	1	Hộp	Nồng độ : c(Na ₂ -EDTA 2 H ₂ O) = 0.1 mol/l Dạng: hỗn hợp lỏng, không màu, không mùi Tỉ trọng :1,14 g / cm ³ (20 °C) Giá trị Ph: 7.4 - 7.6 (H ₂ O, 20 °C) Bảo quản ở nhiệt độ: +15°C to +25°C. Quy cách: 1 ống/hộp	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 ống/hộp hoặc quy cách khác	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
56	Dung dịch chuẩn Nitrite (NO ₂) 1000mg/l	1	Chai	Hàm lượng: $\beta(\text{NO}_2^-)$: 990 - 1010 mg/l Giá trị pH: 7 (H ₂ O, 20 °C) Bảo quản ở nhiệt độ: +15°C to +25°C. Đóng chai 500ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500ml/chai hoặc quy cách khác	
57	Dung dịch chuẩn Ammonium 1000mg/L	1	Chai	Hàm lượng: $\beta(\text{NH}_4^+)$: 990 - 1010 mg/l Màu sắc: Không màu Khối lượng riêng: 0.99 g/cm ³ (20°C) Trạng thái: Lỏng Ph: 5.4 (H ₂ O, 20°C) Bảo quản: 15-25° C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500ml/chai hoặc quy cách khác	
58	Dung dịch chuẩn Nitrate (NO ₃) 1000mg/L	1	Chai	Hàm lượng: $\beta(\text{NO}_3^-)$: 990 - 1010 mg/l Giá trị pH: 6 (H ₂ O, 20 °C) Bảo quản ở nhiệt độ: +15°C to +25°C. Đóng chai 500ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500ml/chai hoặc quy cách khác	
59	Chuẩn KMnO ₄ 0,1N	1	Chai	Nồng độ c(KMnO ₄) = 0.02 mol/l (0.1 N) Tỉ trọng: 1.01 g/cm ³ (20 °C) Giá trị pH: 8 (H ₂ O, 20 °C) Bảo quản: +15°C đến +25°C. Đóng gói: chai 1000ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1000ml/chai hoặc quy cách khác	
60	Bộ chuẩn độ đục	1	Hộp	Là dung dịch chuẩn để đo độ đục Nồng độ : 0.02 - 10.0 - 1000 NTU Dùng để hiệu chỉnh máy đo độ đục, Model: Turb 750 IR. Bảo quản ở +15 ° C đến +25 ° C Quy cách: 3 lọ/ hộp	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	3 lọ/ hộp hoặc quy cách khác	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
61	Chuẩn pH 10	1	Chai	Tỷ trọng: 1,00 g/cm ³ (20°C) Giá trị pH : 10,0 (H ₂ O, 20°C) Điểm nóng chảy: -6 °C Bảo quản: +15°C đến +25°C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1000ml/chai hoặc quy cách khác	
62	Ống chuẩn oxalic 0,1 N	1	Hộp	Nồng độ 0.1N Dạng lỏng, không màu Tỷ trọng: 1.02 g/cm ³ (20 °C) Giá trị pH: 1 (H ₂ O, 20 °C) Bảo quản: +15°C to +25°C.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 ống/hộp hoặc quy cách khác	
63	Ống chuẩn NaOH 0,1 N	1	Hộp	Nồng độ 0.1N Tỷ trọng: 1.09 g/cm ³ (20 °C) Giá trị pH: 13.8 (H ₂ O, 20 °C) Bảo quản: +15°C to +25°C.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 ống/ hộp hoặc quy cách khác	
64	Ống chuẩn HCl 0.1N	6	Hộp	Nồng độ (HCl) = 0.1 mol/l (0.1 N) Tỷ trọng: 1.03 g/cm ³ (20 °C) Giá trị pH <1 (H ₂ O, 20 °C) Bảo quản: +15°C to +25°C.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 ống/hộp hoặc quy cách khác	
65	Petroleum ether 40-60	30	Chai	Nhiệt độ sôi: 40-80°C Không tan trong nước Trọng lượng riêng: 0.64–0.66 g/ml Quy cách: chai 500ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500ml/chai hoặc quy cách khác	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
66	Natri borohydride NaBH ₄	1	Lọ	Độ tinh khiết $\geq 98.0\%$ Khối lượng phân tử: 37,83 g/mol Hao tổn khi sấy $\leq 0.5\%$ Bảo quản: 25 - 40°C Đóng gói: 100g/lọ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	100g/lọ hoặc quy cách khác	
67	Axit boric	2	Lọ	Công thức hóa học: H ₃ BO ₃ Độ tinh khiết: $\geq 99.5\%$ Khối lượng phân tử: ~ 61.83 g/mol	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/lọ hoặc quy cách khác	
68	Ethanol, cồn tuyệt đối	1	Chai	Độ tinh khiết: $\geq 99.9\%$ Màu sắc: ≤ 10 Hazen Nước: $\leq 0.1\%$ Khối lượng phân tử: 46.07 g/mol Tỉ trọng: 0.79 g/cm ³ (20 °C) Giá trị pH: 7.0 (10 g/l, H ₂ O, 20 °C)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1000ml/chai hoặc quy cách khác	
69	n- Hexan C ₆ H ₁₄	20	Chai	Độ tinh khiết: 99 % Trọng lượng phân tử: 86,18 g/mol Nhiệt độ sôi: 68,7 °C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500ml/chai hoặc quy cách khác	
70	Natri carbonat Na ₂ CO ₃	2	Lọ	Độ tinh khiết: $\geq 99.8\%$ Công thức: Na ₂ CO ₃ Dạng: Bột màu trắng hoặc dạng hạt mịn Nhiệt độ nóng chảy: khoảng 851 °C Hòa tan: Dễ tan trong nước, không tan trong etanol, ete	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/lọ hoặc quy cách khác	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
71	Sắt(III) sunfat	1	Lọ	Công thức hóa học: $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ Độ tinh khiết: $\geq 98\%$ Trọng lượng phân tử: 399,88 Màu sắc: Bột màu trắng xám hoặc hơi vàng Hòa tan: Hòa tan trong nước	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/lọ	
72	Natri hydroxyt (NaOH)	40	Lọ	Dạng tồn tại: chất rắn dạng hạt, vảy màu trắng - Mùi: không mùi. - Phân tử lượng: 40 g/mol. - Độ tinh khiết $\geq 96\%$	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/lọ hoặc quy cách khác	
73	Chất nội chuẩn TPP (Triphenyl phosphate)	1	Lọ	Dùng làm chất nội chuẩn Công thức hoá học: $(\text{C}_6\text{H}_5\text{O})_3\text{PO}$ Điểm nóng chảy: 48–50 °C (lit.)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1g/lọ hoặc quy cách khác	
74	Magie sunfat (MgSO_4)	1	Lọ	Đạt tiêu chuẩn phân tích ACS, Reag. Ph Eur Công thức hóa học: $\text{MgSO}_4.7\text{H}_2\text{O}$ Độ tinh khiết $\geq 99.5\%$ Màu sắc: Màu trắng. Độ hòa tan: 710 g/l Tỷ trọng: 1.68 g/cm ³ at 20 °C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/lọ hoặc quy cách khác	
75	Na_2H -citrate-sesquihydrate	1	Lọ	Công thức hóa học: $\text{Na}_2\text{C}_6\text{H}_6\text{O}_7 \cdot 1.5\text{H}_2\text{O}$ - Độ tinh khiết $\geq 99.0\%$ - Màu: Trắng - Dạng: Bột hoặc tinh thể Trọng lượng phân tử: 263.11 g/mol Giá trị pH: 4.6-5.2 (25 °C, 50 mg/mL in H_2O) Độ hòa tan: 263.1 g/l	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	250g/lọ hoặc quy cách khác	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
76	Na3Citrate.2H2O	1	Lọ	Đạt tiêu chuẩn phân tích ACS,ISO,Reag. Ph Eur Công thức hoá học: C6H5Na3O7.2H2O Độ tinh khiết: $\geq 99\%$ Giá trị pH: 7.5 - 9.0 (50 g/l, H2O, 25 °C)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/lọ hoặc quy cách khác	
77	Nội chuẩn kháng sinh Phenicol	1	Lọ	Độ tinh khiết $\geq 97.0\%$ Dạng bột hoặc tinh thể Màu sắc: Màu Trắng đến be nhạt Phù hợp với Sắc ký lỏng và Sắc ký khí Khối lượng phân tử: 328.16 g/mol	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1mg/lọ hoặc quy cách khác	
78	Chuẩn kháng sinh Phenicol	1	Lọ	Độ tinh khiết: $\geq 98\%$ Dạng bột hoặc tinh thể Màu sắc: trắng đến vàng nhạt Khả năng hoà tan: Hòa tan tốt trong dung môi hữu cơ như methanol, acetonitrile hoặc dung môi pha sắc ký	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	250mg/lọ hoặc quy cách khác	
79	Chuẩn Aflatoxin B1	1	Lọ	Nồng độ: 25 µg/mL in Acetonitrile Dạng: dung dịch trong acetonitrile Khả năng hoà tan:Hòa tan tốt trong dung môi hữu cơ như methanol, acetonitrile hoặc dung môi pha sắc ký	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	2ml/lọ hoặc quy cách khác	
80	Chuẩn Aflatoxin B2	1	Lọ	Nồng độ: 25 µg/mL in Acetonitrile Dạng: dung dịch trong acetonitrile Khả năng hoà tan:Hòa tan tốt trong dung môi hữu cơ như methanol, acetonitrile hoặc dung môi pha sắc ký	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	2ml/lọ hoặc quy cách khác	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
81	Chuẩn Aflatoxin G1	1	Lọ	Nồng độ: 25 µg/mL in Acetonitrile Dạng: dung dịch trong acetonitrile Khả năng hoà tan:Hòa tan tốt trong dung môi hữu cơ như methanol, acetonitrile hoặc dung môi pha sắc ký	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	2ml/lọ hoặc quy cách khác	
82	Chuẩn Aflatoxin G2	1	Lọ	Nồng độ: 25 µg/mL in Acetonitrile Dạng: dung dịch trong acetonitrile Khả năng hoà tan:Hòa tan tốt trong dung môi hữu cơ như methanol, acetonitrile hoặc dung môi pha sắc ký	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	2ml/lọ hoặc quy cách khác	
83	Cột SPE C18	2	Hộp	Carbon load: 17% Kích thước hạt: 45 µm Kích thước lỗ: 60 Diện tích bề mặt: 475m ² /g pH hoạt động: 2-8 Elution volume: ~ 3-5ml Dạng đóng gói: dạng cột	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	50 cái/ hộp hoặc quy cách khác	
84	Sodium acetate	1	Hộp	Đạt tiêu chuẩn phân tích ACS,ISO,Reag. Ph Eur Công thức hóa học: CH ₃ COONa.3H ₂ O Trọng lượng phân tử: 136.08 g/mol Giá trị pH: 7.5-9.2 (20 °C, 50 g/L in H ₂ O) Bảo quản: 5-30°C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1000g/hộp	
85	Chromotropic acid disodium salt dihydrate	1	Lọ	Đạt tiêu chuẩn phân tích ACS,Reag. Ph Eur Độ tinh khiết: ≥ 98.5 % Công thức hóa học: C ₁₀ H ₆ Na ₂ O ₈ S ₂ .2H ₂ O Trọng lượng phân tử: 400.29 g/mol Nhiệt độ sôi: >300 °C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	25gam/lọ hoặc quy cách khác	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
86	Methanol tinh khiết	1	Chai	Đạt tiêu chuẩn phân tích ACS, Reag. Ph Eur Độ tinh khiết $\geq 99.9\%$ Khối lượng phân tử: 32.04 g/mol Tỉ trọng: 0.791 g/mL at 25 °C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	2500ml/Chai	
87	Bromothimol xanh	1	Lọ	Chất lỏng không màu Khối lượng mol: 30,03 g/mol Độ pH: 2,8 - 4 ở 20 °C Điểm sôi/khoảng sôi: 93 - 96 °C ở 1.013 hPa Điểm chớp cháy: Khoảng 62 °C Khối lượng riêng: 1,09 g/cm ³ ở 20 °C Quy cách: chai 1000ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	25g/lọ	
88	Formon/ formaldehyde tinh khiết	1	Chai	Chất lỏng không màu Khối lượng mol: 30,03 g/mol Độ pH: 2,8 - 4 ở 20 °C Điểm sôi/khoảng sôi: 93 - 96 °C ở 1.013 hPa Điểm chớp cháy: Khoảng 62 °C Khối lượng riêng: 1,09 g/cm ³ ở 20 °C Quy cách: chai 1000ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1000ml/chai hoặc quy cách khác	
89	Kali metabisulfit K ₂ S ₂ O ₅	1	Lọ	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt Khối lượng mol: 222.33 g/mol Giá trị pH: 3.5-5 (400 g/L H ₂ O, 20°C) Độ tan: Trong nước (20°C) ~335 g/l; không tan trong rượu	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/lọ hoặc quy cách khác	
90	Natri photphat Na ₃ PO ₄	1	Lọ	Công thức: Na ₃ PO ₄ ·12H ₂ O Tinh thể không màu Khối lượng phân tử: 380.14 g/mol Khối lượng riêng: 1,62 g/cm ³ Nhiệt độ nóng chảy: 73,4°C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường	500g/lọ hoặc quy cách khác	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
					Vinh, tỉnh Nghệ An		
91	Disodium ethylenediaminetetraacetate $\text{Na}_2\text{H}_2\text{EDTA}$	1	Lọ	Đạt tiêu chuẩn: ACS reagent, ISO, reag. Ph. Eur Công thức: $\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{N}_2\text{Na}_2\text{O}_8 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ Trọng lượng phân tử: 372.24 g/mol Độ tinh khiết: $\geq 99.0\%$ Giá trị pH: 4-5 (20 °C, 50 g/L in H_2O)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/Lọ hoặc quy cách khác	
92	Đồng Sunfat CuSO_4	1	Lọ	Độ tinh khiết $\geq 98.0\%$ Màu sắc: Tinh thể màu xanh lam Khối lượng phân tử: 159.61 g/mol Nhiệt độ nóng chảy: 200°C Mật độ phân tử: 2,284 g/m ³	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/lọ hoặc quy cách khác	
93	Zinc Acetate dihydrate $\text{Zn}(\text{CH}_3\text{COO})_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$	1	Lọ	Độ tinh khiết $\geq 99.0\%$ Khối lượng mol: 219.49 g/mol Khối lượng riêng: 1.735 g/cm ³ (20°C) Tinh thể dạng vảy hoặc tấm hình lục giác bóng Nhiệt độ nóng chảy: 237 °C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/lọ hoặc quy cách khác	
94	Giấy lọc định lượng	4	Hộp	Chất liệu: Cellulose Đường kính giấy lọc: 15cm Kích thước lỗ lọc: ~ 2,5 µm dùng cho kiểm nghiệm Nước, thực phẩm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	100 tờ/ hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
95	Giấy lọc định lượng không tro	2	Hộp	Mã màu: Trắng Đường kính 110mm Không có tro (hàm lượng tro < 0.01%) Tốc độ lọc: 20 giây Lưu giữ hạt: 8 đến 12µm Độ dày (Số liệu): 0,19 mm Lớp: 389 Trọng lượng cơ bản: 84 g / m ²	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	100tờ/ hộp	
96	Giấy lọc	1	Hộp	Chất liệu: Ester cellulose, cấu tạo cellulose acetate (~20%) và cellulose nitrate (~80%). Kích thước: cỡ lỗ lọc 0,8 µm, đường kính 37mm, độ dày 140 µm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	100 tờ/hộp	
97	Giấy nghệ	5	Hộp	*Chất liệu: Giấy nghệ được làm từ chất liệu đặc biệt có khả năng phản ứng với các chất có tính kiềm. *Màu sắc: Màu sắc ban đầu của giấy nghệ là màu vàng. *Màu sắc sau phản ứng: Khi tiếp xúc với Hàn the (Borax), giấy nghệ sẽ chuyển sang màu đỏ. *Quy cách đóng gói: Giấy nghệ được đóng gói dạng hộp, mỗi hộp chia thành các que xé, giúp người dùng dễ dàng sử dụng.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	100 tờ/hộp hoặc quy cách khác	
98	Cột phân tích cho máy sắc kí ion	1	Hộp	Prod, col, ip, CS12A kích thước: 4*250mm Cột phân tích cho máy sắc kí ion tương thích với thiết bị sắc ký ion kép model: Dionex Aquion	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 cái/hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
99	Cột phân tích cho máy sắc kí ion	1	Hộp	Prod, col, ip,CG12A kích thước: 4*50mm Cột phân tích cho máy sắc kí ion tương thích với thiết bị sắc ký ion kép model: Dionex Aquion	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 cái/hộp	
100	Cột phân tích cho máy sắc kí ion	1	Hộp	Prod, CDRS600 kích thước: 4mm Cột phân tích cho máy sắc kí ion tương thích với thiết bị sắc ký ion kép model: Dionex Aquion	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 cái/hộp	
101	Cột phân tích cho máy sắc kí ion	1	Hộp	Prod, col, ip, AS19 kích thước: 4*250mm Cột phân tích cho máy sắc kí ion tương thích với thiết bị sắc ký ion kép model: Dionex Aquion	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 cái/hộp	
102	Cột phân tích cho máy sắc kí ion	1	Hộp	Prod, col, ip, AG19 kích thước: 4*50mm Cột phân tích cho máy sắc kí ion tương thích với thiết bị sắc ký ion kép model: Dionex Aquion	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 cái/hộp	
103	Cột phân tích cho máy sắc kí ion	1	Hộp	Suppressor ADRS 600 kích thước: 4mm Cột phân tích cho máy sắc kí ion tương thích với thiết bị sắc ký ion kép model: Dionex Aquion	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 cái/hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
104	Cột lọc	1	Bộ	Bộ lõi lọc nước siêu tinh khiết bao gồm hai lõi lọc nhựa trao đổi ion hiệu suất cao kết hợp với than hoạt tính để làm sạch nước đã qua xử lý trước. dành cho nước siêu tinh khiết arium® pro VF & pro UV Cột lọc tương thích với máy lọc nước khử ion model: H2O pro - UV -T - TOC	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	2 cái/bộ	
105	Bộ lọc cuối cùng	1	Bộ	Bộ lọc cuối cùng vô trùng Sartopore® 2 150, kích thước lỗ: 0,45 µm-0,2 µm Cột lọc tương thích với máy lọc nước khử ion model: H2O pro - UV -T - TOC	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 cái/bộ	
106	Ống than hoạt tính hấp thụ	2	Hộp	Kích thước: dài 7 cm, đường kính ngoài (OD) 6mm, đường kính, có chứa hai phần của than vỏ dừa đã hoạt hóa (trước: 100mg, sau: 50mg), 20/40 mesh.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	50 ống/hộp	
107	Đầu lọc mẫu	10	Túi	Chất liệu: Màng PES Kích thước lỗ lọc 0.22µm, đường kính 25mm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	100 cái/ túi	
108	Giấy thử Oxidase	10	Lọ	Que thử oxidase. Trong đĩa giấy có thuốc thử N,N-dimethyl-1,4-phenylene diammonium dichloride 0.1 µmol; 1-naphthol 1.0 µmol . Trong trường hợp các vi khuẩn dương tính với cytochrome oxidase, vùng phản ứng sẽ chuyển	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	20 khoan/lọ	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				màu xanh - tím violet			
109	Môi trường nuôi cấy coliform và Ecoli trong nước	2	Hộp	Môi trường vi sinh dạng hạt theo ISO 9308-1. Thành phần môi trường sau pha :Enzymatic Digest of Casein 1 g/l; Yeast Extract 2 g/l; NaCl 5 g/l; NaH ₂ PO ₄ x 2 H ₂ O 2.2 g/l; Na ₂ HPO ₄ 2.7 g/l; Sodium Pyruvate 1 g/l; Sorbitol 1 g/l; Tryptophane 1 g/l; Tergitol® 7 0.15 g/l; 6-Chloro-3-indoxyl-betaD-galactopyranoside 0.2 g/l; 5-Bromo-4-chloro-3- indoxyl-D-glucuronic acid 0.1 g/l; Isopropyl-beta-Dthiogalactopyranoside 0.1 g/l; Agar-agar 10 g/l	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/hộp	
110	Chất thử/Kháng huyết thanh định danh vi sinh vật	1	Lọ	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu cho từng kháng nguyên nhóm O được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella khác nhau căn cứ theo phân loại của Kauffman-White. Bảo quản ở 2-10°C - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	2mL/lọ	
111	Kháng huyết thanh H đa giá Salmonella As H-G	1	Lọ	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella H-G. Lọ 2 ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	2mL/lọ	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
112	Chất thử/Kháng huyết thanh định danh vi sinh vật	1	Lọ	Kháng huyết thanh dùng để định type huyết thanh Salmonella Vi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	2mL/lọ	
113	Thạch máu đỏ đĩa(Nalidixic acid (BANg)	1.000	Đĩa	Lọc staphylococcus và streptococcus. Phân biệt các kiểu hình tiêu huyết(α, β, γ). Áp dụng nuôi cấy phân lập tác nhân nhiễm trùng từ các bệnh phẩm đường hô hấp, quệt hầu họng, mủ-dịch tiết	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	10đĩa/ hộp	
114	Môi trường nuôi cấy Enterobacteriaceae (VRBD (Violet Red Bile Dextrose) agar	1	hộp	Pancreatic Digest of Gelatin (Enzymatic Digest of animal Tissues) 7; Yeast Extract 3; Bile Salts 1.5; NaCl 5; D(+)-Glucose (hoặc Glucose monohydrate) 10; Neutral Red 0.03; Crystal	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/Hộp	
115	Môi trường chọn lọc phát hiện vi sinh vật coliform lên men lactose(VRB (Violet Red Bile Lactose) agar	1	hộp	-Thành phần cho 1 lít môi trường: Dịch thủy phân mô động vật bằng enzym 7g, cao men 3g, lactose 10g, NaCl 5g, muối mật 1,5g, đỏ trung tính 0,03g, tím tinh thể 0,002g, thạch 12-18g - pH :7,4 $\pm$ 0,2 ở 250C - Độ hòa tan: 39,5 g/l	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/Hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
116	Môi trường tryptose Sulfite Cycloserine (TSC)	1	hộp	Thành phần: Peptone including enzymatic digest of casein 15g/l Enzymatic digest of soya 5 g/l Yeast Extract 5 g/l Sodium disulfite (sodium metabisulfite), anhydrous 1.0 g/l Iron(III) ammoniumcitrate 1 g/l Agar- agar 12g/l Độ hòa tan: 42 g/l Giá trị pH: 7.4 - 7.8 (H ₂ O, 25 °C) Bảo quản: +15°C to +25°C.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/Hộp	
117	Môi trường thạch mật Aesculin-Azid(Bile Aesculin Azide Agar)	1	hộp	Thành phần: Peptone from Casein 17g/l Peptone 3 g/l Yeast Extract 5,0 g/l Sodium Chloride 5,0g/l Aesculin 1,0g/l Ammonium Iron (III) citrate 0,5g/l Ox bile 10,0g/l Sodium azide 0,15g/l Agar-agar 13 g/l Giá trị pH: 6.9 - 7.3 (54.85 g/l, H ₂ O, 25 °C) Độ hòa tan: 54.85 g/l	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/Hộp	
118	Chủng Enterobacteriaceae	1	Bộ	Sản phẩm: KWIK-STIK™ Một bộ bao gồm 2 que. Mỗi bộ KWIK-STIK chứa một viên vi sinh vật đông khô, một ống dung dịch hydrat hóa và một tấm bông cấy. * Bảo quản ở ngăn mát tủ lạnh 2 - 8°C * Chủng vi sinh có số đời cấy chuyển bằng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Bộ	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				hoặc nhỏ hơn 3 * Hạn sử dụng: tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận sản phẩm			
119	Chủng Clostridium sporogenes	1	Bộ	Sản phẩm: KWIK-STIK™ Một bộ bao gồm 2 que. Mỗi bộ KWIK-STIK chứa một viên vi sinh vật đông khô, một ống dung dịch hydrat hóa và một tấm bông cây. * Bảo quản ở ngăn mát tủ lạnh 2 - 8°C * Chủng vi sinh có số đòi cấy chuyển bằng hoặc nhỏ hơn 3 * Hạn sử dụng: tối thiểu 8 tháng kể từ ngày nhận sản phẩm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Bộ	
120	Pseudomonas CFC selective Supplement	1	Hộp	Chất bổ sung chọn lọc là hỗn hợp của 3 chất ức chế khác nhau ở dạng đông khô Thành phần: Cetrimide 0.01 g/l Fucidin 0.01 g/l Cephalotin 0.5 g/l Độ hòa tan: 26.6 g/L Giá trị pH: 6.2-6.8 (20 °C, 26.2 g/L in H2O) Bảo quản: 2-8°C Quy cách: hộp 10 lọ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	10 lọ/hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
121	Blood agar	1	Hộp	Môi trường nuôi cấy này tuân thủ các thông số kỹ thuật do APHA đưa ra Thành phần: Nutrient substrate(heart extract and peptones) 20.0 g/l Sodium chloride 5.0 g/l Agar-agar 15.0 g/l Giá trị pH: 6.8±0.2 (25 °C) Bảo quản: 15-25°C Quy cách: hộp 500g	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Hộp 500g	
122	Buffered peptone water	1	Hộp	Thành phần: Peptone 10 g/l NaCl 5 g/l Na ₂ HPO ₄ x 12 H ₂ O 9g/l KH ₂ PO ₄ 1.5 g/l Giá trị pH at 25 °C: 7.0± 0.2 Độ hòa tan: 25.5 g/l Bảo quản: 15-25°C Quy cách: hộp 500g	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Hộp 500g	
123	Sodium chloride	1	Hộp	Độ tinh khiết ≥ 99.5% Kim loại nặng (như Pb) ≤ 0.0005 % Giá trị pH (5%; water): 5.0-8.0 Hao tổn khi sấy (105 °C, 2h) ≤ 0.5 %	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Hộp 500g	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
124	Lactose Sunfit broth(LS)	1	Hộp	Thành phần: Tryptone 5.000 g/l Yeast extract 2.500 g/l Sodium chloride 2.500 g/l Lactose 10.000 g/l L-Cysteine hydrochloride 0.300 g/l Giá trị pH (ở 25°C): 7.1±0.2 Độ hòa tan: 20.3 g/l Bảo quản ở nhiệt độ 10-30°C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Hộp 500g	
125	Vật tư xét nghiệm pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	200	Can	Dùng để pha loãng máu cho máy xét nghiệm huyết học Nihon Kohden. Thông số kỹ thuật: Trạng thái vật lý: chất lỏng, Màu: Không; Mùi: không; Tính tan: Tan trong nước; pH: 7.35-7.55; Thành phần chính: Sodium chloride (NaCl) 0.44%, Sodium sulphate anhydrous (Na ₂ SO ₄) 0.97%, Tris 0,2%, Nhiệt độ bảo quản: 1 - 35°C .Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	18 lít/ can	
126	Vật tư xét nghiệm ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	90	Hộp	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Nihon Kohden. Thông số kỹ thuật: Trạng thái vật lý: chất lỏng; Màu: không; Mùi: nhẹ; Tính tan: tan trong nước; pH: 4.0-7. Thành phần chính: Muối amoni bậc 4: 3.7%; Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương. Nhiệt độ bảo quản: 1 - 35°C. Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500ml/ hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
127	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học(Clenac)	46	Can	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Nihon Kohden. Thông số kỹ thuật: Trạng thái vật lí: chất lỏng; Màu: xanh lá; Mùi: nhẹ; pH: 7,7 -8.3; Tính tan: Tính tan trong nước .Thành phần chính: Polyoxyethylene tridecylether: 0.049%; Polyoxyethylene nonylphenyl ether, Ethylene glycol monophenyl ether Nhiệt độ bảo quản: 1 - 35°C .Độ ổn định sau khi mở nắp: 180 ngày	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	5L/ can	
128	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	18	Can	Dùng làm chất rửa đậm đặc cho máy phân tích huyết học Nihon Kohden. Thông số kỹ thuật: Trạng thái vật lí: chất lỏng; Tính tan: Tan trong nước; Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo); pH: 10- 13.0 Thành phần chính: Sodium hypoclorit Nhiệt độ bảo quản: 1 - 35°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	5L/ can	
129	Lọ đựng bệnh phẩm có nắp, có nhãn	6.000	túi	Chất liệu nhựa y tế, nắp có ren, có dán nhãn và vạch kẻ sẵn, không có thìa. Dung tích 50ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	100 lọ/túi	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
130	Định lượng TSH	100	test	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH trong huyết tương hoặc huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme 2 vị trí gắn kiểu “sandwich”; Dải đo: xấp xỉ 0,005 – 50,0 μ IU/mL [mIU/L]; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH người, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azide, ProClin, kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH cộng hợp với phosphatase kiềm, muối đệm ACES, protein (chuột)	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	2x100test/hộp	
131	Chất hiệu chuẩn TSH	1	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azit, ProClin, hTSH ở các mức nồng độ 0 μ IU/mL, xấp xỉ 0,05; 0,3; 3; 15 và 50 μ IU/mL	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	6x2.5mL/hộp	
132	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	1	Hộp	Thành phần: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, < natri azit 0,1% và < 0,05% khối lượng phản ứng của: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-một và 2-methyl-4-isothiazolin-3-một (3:1). Hóa chất tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm miễn dịch tự động Access 2 – Beckman Coulter	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	4x1950mL/hộp	
133	Giếng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	1	Hộp	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL Vật tư tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm miễn dịch tự động Access 2 – Beckman Coulter	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường	16x98cái/hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
					Vinh, tỉnh Nghệ An		
134	Dung dịch rửa máy hàng ngày	1	Bình	Dung dịch rửa máy hàng ngày;Thành phần: anionic và nonionic, và các alkanolamine, không chứa phosphate. Hóa chất tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm miễn dịch tự động Access 2 – Beckman Coulter	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1gallon/ bình	
135	Dung dịch kiểm tra máy	1	Hộp	Thành phần: Phosphatase kiềm, 1% albumin huyết thanh bò (BSA), 0,25% ProClin 300, < 0,1% natri azit. Hóa chất tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm miễn dịch tự động Access 2 – Beckman Coulter	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	6x4mL/ hộp	
136	Cơ chất phát quang	1	Hộp	Thành phần: Dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt Hóa chất tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm miễn dịch tự động Access 2 – Beckman Coulter	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	4x130mL/ hộp	
137	Hóa chất nội kiểm miễn dịch 3 mức	1	Hộp	Dạng đông khô tăng độ ổn định, 100% Huyết thanh người, chứa 54 thông số. Bao gồm cả β -2 – Microglobulin, CA15- 3, CA19-9, CA125, Growth Hormone (GH), Oestradiol, Paracetamol, 1-25-(OH) $_2$ - Vitamin D*... Ổn định đến hạn tại 2- 8°C. Mức Ferritin và Vitamin B12 phù hợp để theo dõi bệnh thiếu máu. Nồng độ TSH rất thấp ở mức 1. Ổn định sau hoàn nguyên trong 7 ngày ở 2-8°C hoặc 28 ngày tại -20°C.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	12x5ml/ hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				Hóa chất tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm miễn dịch tự động Access 2 – Beckman Coulter			
138	Hóa chất tách chiết mẫu 600 μ L - 1000 μ L dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn	125	Hộp	Hóa chất tách chiết acid nucleic cho mẫu bệnh phẩm từ 600 μ L - 1000 μ L, sử dụng phù hợp cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn. Quy cách: $\geq$ 48 test/hộp.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	48 test/ hộp	
139	Bộ vật tư tiêu hao tách chiết dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn	146	Hộp	Bộ vật tư tiêu hao tách chiết dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn. Quy cách: $\geq$ 48 test/hộp.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	48 test/ hộp	
140	Hóa chất tách chiết mẫu 200 μ L dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn	21	Hộp	Hóa chất tách chiết acid nucleic cho mẫu bệnh phẩm từ 200 μ L, sử dụng phù hợp cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn. Quy cách: $\geq$ 48 test/hộp.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	48 test/hộp	
141	Cassette phản ứng PCR dùng cho máy sinh học phân tử tự	33	Hộp	Cassette phản ứng PCR dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn. Quy cách: $\geq$ 192 test/hộp.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê	192 test/ hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
	động hoàn toàn				Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An		
142	Đầu côn có lọc loại 300 μ L cho bộ tách chiết dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn	9	Hộp	Đầu côn có lọc loại 300 μ L cho bộ tách chiết dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	960 tip/ hộp	
143	Lọ trữ đông có nắp	2	Hộp	Lọ trữ đông lạnh 2.0ml, ren ngoài, tiệt trùng, có nắp dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn. Quy cách: 5000 cái/hộp.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	5000 vials/ hộp	
144	Hộp đựng chất thải dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn	1	Hộp	Hộp đựng chất thải dùng cho máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn. Quy cách: $\geq$ 20 cái/hộp.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	20 cái/ hộp	
145	Bộ xét nghiệm Real-time PCR định lượng virus HIV (đã bao gồm chất chuẩn, chứng dương và chứng âm)	63	Hộp	*Bộ xét nghiệm phiên mã ngược axit nucleic và khuếch đại định lượng để phát hiện và định lượng RNA của Virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 (HIV1) trong các mẫu RNA được tách chiết từ các mẫu bệnh phẩm. Xét nghiệm có thể phát hiện RNA của HIV1 thuộc nhóm M (loại A, B, C, D, F, G, H, J, K, L), nhóm O, nhóm N và loại CRF chính CRF01-AE, CRF02-AG và CRF03-AB. * Thành phần:	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	96 test/ hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				HIV1 Mix HIV1 Standard: HIV1 Positive Control, HIV1 Internal Control. * LoD: 60IU/mL (26 copies/mL) với mẫu huyết tương * Độ đặc hiệu: 99.5% * Quy cách: HIV PCR Mix: 4 ống x 600μL RT Enzyme Mix: 2 ống x 20μL HIV1 Q - PCR Standard 10 ⁵ : 1 ống x 160μL HIV1 Q - PCR Standard 10 ⁴ : 1 ống x 160μL HIV1 Q - PCR Standard 10 ³ : 1 ống x 160μL HIV1 Q - PCR Standard 10 ² : 1 ống x 160μL HIV1 - Positive Control: 2 ống x 160μL HIV1 CPE: 8 ống x 160μL *Sử dụng cho mẫu tách chiết từ 600μL - 1000 μL trên máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn *Sử dụng chứng nội CPE (đã bao gồm trong Kit)			
146	Bộ xét nghiệm Real-time PCR định lượng virus Viêm gan B (đã bao gồm chất chuẩn, chứng dương và chứng nội)	11	Hộp	* Bộ xét nghiệm khuếch đại axit nucleic để phát hiện và định lượng DNA của Vi-rút Viêm gan B (HBV) được tách chiết từ các mẫu bệnh phẩm. Xét nghiệm có thể phát hiện HBV thuộc các kiểu gen A, B, C, D, E, F, G, H, I và RF. * Thành phần: HBV Mix HBV Standard HBV Positive Control HBV Internal Control	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	96 test/ hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				* LoD: 9 IU/mL (38 copies/mL) mẫu huyết thanh, huyết tương * Độ đặc hiệu: 97.6% *Quy cách: HBV PCR Mix: 8 ống x 280 µL HBV Q - PCR Standard 10⁵: 1 ống x 160 µL HBV Q - PCR Standard 10⁴: 1 ống x 160 µL HBV Q - PCR Standard 10³: 1 ống x 160 µL HBV Q - PCR Standard 10²: 1 ống x 160 µL HBV - ELITe Positive Control: 2 ống x 160 µL HBV CPE: 8 ống x 160 µL *Sử dụng cho mẫu tách chiết từ 200uL, 600µL - 1000 µL trên máy sinh học phân tử tự động hoàn toàn *Sử dụng chứng nội CPE (đã bao gồm trong Kit)			
147	Kit tách DNA từ nhiều loại mẫu khác nhau	200	test	- Kit tách DNA từ nhiều loại mẫu khác nhau - Loại mẫu chính: máu, vi khuẩn, thực vật, tế bào động vật - Màng: glass microfiber - Lượng DNA bám trên cột: 20 ug DNA/cột - Bao gồm lysozyme để tách vi khuẩn Gram dương - Thành phần: buffer GD1, GD2, PPB, GB, WB Bottle, Proteinase K, Lysozyme, Help B, RNase A, DNA Hydration Solution, Spin column/collection tube - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	50 test/ bộ	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
148	Master Mix định lượng PCR	100	Test	Hỗn hợp mastermix cho phản ứng Realtime PCR sử dụng đầu dò huỳnh quang (probe), Có hệ thống chống ngoại nhiễm UDG, Ứng dụng: Định lượng DNA bằng Realtime PCR, RT-PCR, SNP, Bảo quản: -20 độ C	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	100 test/ Hộp	
149	Bộ mỗi xét nghiệm bệnh Bạch hầu Coryne_toxF	1	ống	- Nồng độ tổng hợp: 40 nmol/ống, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 15nmol - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Đóng gói: dạng đông khô - Tinh sạch loại muối, sản phẩm sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot) theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001; ISO 13485	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	40nmol/ Ống	
150	Bộ mỗi xét nghiệm bệnh Bạch hầu Coryne_toxR	1	ống	- Nồng độ tổng hợp: 40 nmol/ống, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 15nmol - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Đóng gói: dạng đông khô - Tinh sạch loại muối, sản phẩm sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot) theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001; ISO 13485	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	40nmol/ Ống	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
151	Bộ môi xét nghiệm bệnh Bạch hầu Coryne_toxP-FAM2	1	ống	- Đoạn dò DNA đánh dấu huỳnh quang tại 2 vị trí 3', 5' cho xét nghiệm PCR, RT PCR. - Nồng độ tổng hợp: 40nmol/ống - Đóng gói: dạng đông khô - Tinh sạch HPLC, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 3.75 nmol, nồng độ trung bình sau tinh sạch: 15nmol - Sản phẩm Probe sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot), mỗi aliquot 5nmol hoặc 2 nmol theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001; ISO 13485	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	40nmol/ Ống	
152	Bộ môi xét nghiệm bệnh Bạch hầu Diph_rpoBF	1	ống	- Nồng độ tổng hợp: 40nmoles/ống, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 15nmol - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Đóng gói: dạng đông khô - Tinh sạch loại muối, sản phẩm sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot) theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001; ISO 13485	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	40nmol/ Ống	
153	Bộ môi xét nghiệm bệnh Bạch hầu Diph_rpoBR	1	ống	- Nồng độ tổng hợp: 40nmoles/ống, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 15nmol - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Đóng gói: dạng đông khô - Tinh sạch loại muối, sản phẩm sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot) theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001; ISO 13485	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	40nmol/ Ống	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
154	Bộ môi xét nghiệm bệnh Bạch hầu Diph_rpoBP-HEX2	1	ống	- Đoạn dò DNA đánh dấu huỳnh quang tại 2 vị trí 3', 5' cho xét nghiệm PCR, RT PCR. - Nồng độ tổng hợp: 40nmoles/ống - Đoạn dò DNA: 5' HEX – 3' BHQ-1 - Đóng gói: dạng đông khô - Tinh sạch HPLC, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 3.75 nmol, nồng độ trung bình sau tinh sạch: 15nmol - Sản phẩm Probe sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot), mỗi aliquot 5nmole hoặc 2 nmoles theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001; ISO 13485	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	40nmol/ Ống	
155	Bộ môi xét nghiệm bệnh Bạch hầu CUP_rpoBF	1	ống	- Nồng độ tổng hợp: 40nmoles/ống, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 15nmol - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Đóng gói: dạng đông khô - Tinh sạch loại muối, sản phẩm sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot) theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001; ISO 13485	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	40nmol/ Ống	
156	Bộ môi xét nghiệm bệnh Bạch hầu CUP_rpoBR	1	ống	- Nồng độ tổng hợp: 40nmoles/ống, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 15nmol - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Đóng gói: dạng đông khô - Tinh sạch loại muối, sản phẩm sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot) theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001; ISO 13485	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	40nmol/ Ống	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
157	Bộ môi xét nghiệm bệnh Bạch hầu CUP_rpoBP	1	ống	- Đoạn dò DNA đánh dấu huỳnh quang tại 2 vị trí 3',5' cho xét nghiệm PCR, RTPCR - Nồng độ tổng hợp: 40nmol/ống. - Đoạn dò DNA: 5' HEX- 3'BHQ-1. - Đóng gói: dạng đông khô - Tinh sạch HPLC nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 3,75nmol, nồng độ trung bình sau tinh sạch 15nmol - Sản phẩm Probe sau tinh sạch có thể chia nhỏ thành các ống (aliquot), mỗi (aliquot) 5nmole hoặc 2nmole theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001; ISO 13485	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	40nmol/ Ống	
158	Bộ môi xét nghiệm bệnh Bạch hầu RNaseP-F	1	ống	- Nồng độ tổng hợp: 40nmoles/ống, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 15nmol - Tinh sạch loại muối, sản phẩm sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot) theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đóng gói: dạng đông khô - Trình tự do khách hàng tự cung cấp, trình tự <30 nu - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001; ISO 13485	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	40nmol/ Ống	
159	Bộ môi xét nghiệm bệnh Bạch hầu RNaseP-R	1	ống	- Nồng độ tổng hợp: 40nmoles/ống, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 15nmol - Tinh sạch loại muối, sản phẩm sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot) theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đóng gói: dạng đông khô - Trình tự do khách hàng tự cung cấp, trình tự	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	40nmol/ Ống	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
				<30 nu - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001; ISO 13485			
160	Bộ môi xét nghiệm bệnh Bạch hầu RNaseP-P	1	ống	- Đoạn dò DNA đánh dấu huỳnh quang tại 2 vị trí 3', 5' cho xét nghiệm PCR, RT PCR. - Nồng độ tổng hợp: 40nmoles/ống - Tinh sạch HPLC, nồng độ tối thiểu sau tinh sạch: 3.75 nmol, nồng độ trung bình sau tinh sạch: 15nmol - Sản phẩm Probe sau tinh sạch có thể được chia nhỏ thành các ống (aliquot), mỗi aliquot 5nmole hoặc 2 nmoles theo yêu cầu của khách hàng để giúp dễ dàng sử dụng và tránh nhiễm - Đoạn dò DNA : 5' FAM – 3' BHQ-1 - Đóng gói: dạng đông khô - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001; ISO 13485	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	40nmol/ Ống	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
161	Sinh phẩm realtime RT-PCR 100 phản ứng	100	Hộp	1. Mục đích: Bộ sinh phẩm thực hiện phản ứng Realtime RT PCR 2. Các ứng dụng: Biểu hiện gen, phát hiện mầm bệnh, phát hiện virus... 3. Mô tả: Kit tổng hợp cDNA và enzyme Platinum Taq để tổng hợp DNA tăng độ đặc hiệu Thành phần: - SuperScript III/Platinum Taq Mix: 100uL - Reaction Mix: 2x1.25ml - Magnesium Sulfate (50 mM): 1ml - ROX Reference Dye (25 μM): 100uL 3. Đóng gói: 100 phản ứng 3. Điều kiện bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Hộp 100 phản ứng	
162	Môi xuôi DENV_F	1	Ống	1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR 2. Thành phần: - Môi (nucleotide) - Trình tự: 5'-GCATATTGACGCTGGGARAGAC-3' - Nồng độ 200 nmol, dạng đông khô. 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Ống 200 nmol	
163	Môi ngược DENV_R1-3	1	Ống	1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR 2. Thành phần: - Môi (nucleotide) - Trình tự: 5'-TTCTGTGCCTGGAATGATGCTG-3' - Nồng độ 200 nmol, dạng đông khô. 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Ống 200 nmol	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
164	Mồi ngược DENV_R4	1	Ống	1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR 2. Thành phần: - Mồi (nucleotide) - Trình tự: 5'-YTCTGTGCCTGGATWGATGTTG-3' - Nồng độ 200 nmol, dạng đông khô. 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Ống 200 nmol	
165	Probe DENV_P	1	Ống	1. Mục đích: Sử dụng phát huỳnh quang trong phản ứng PCR 2. Thành phần: - 6FAM-CAGAGATCCTGCTGTC-MGB(NFQ) Nồng độ 3OD (khoảng 12nmol, 800 phản ứng) 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Ống 3 OD	
166	Bộ mồi xuôi - ngược D1	1	Ống	1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR 2. Thành phần: - Mồi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 50 nmol, dạng đông khô. 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Ống 50 nmol	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
167	Probe D1	1	Ống	1. Mục đích: Sử dụng phát huỳnh quang trong phản ứng PCR 2. Thành phần: - Nucleotide gắn huỳnh quang FAM -BHQ1 - Nồng độ 1OD (khoảng 800 phản ứng) 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Ống 1 OD	
168	Bộ môi xuôi - ngược D2	2	Ống	1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR 2. Thành phần: - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 50 nmol, dạng đông khô. 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Ống 50 nmol	
169	Probe D2	1	Ống	1. Mục đích: Sử dụng phát huỳnh quang trong phản ứng PCR 2. Thành phần: - Nucleotide gắn huỳnh quang HEX -BHQ1 Nồng độ 1OD (khoảng 800 phản ứng) 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Ống 1 OD	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
170	Bộ môi xuôi - ngược D3	2	Ống	1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR 2. Thành phần: - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 50 nmol, dạng đông khô. 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Ống 50 nmol	
171	Probe D3	1	Ống	1. Mục đích: Sử dụng phát huỳnh quang trong phản ứng PCR 2. Thành phần: - Nucleotide gắn huỳnh quang TxRd -BHQ2 - Nồng độ 100 nmol, 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Ống 1 OD	
172	Bộ môi xuôi - ngược D4	1	Ống	1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR 2. Thành phần: - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 50 nmol, dạng đông khô. 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Ống 50 nmol	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
173	Probe D4	1	Ống	1. Mục đích: Sử dụng phát huỳnh quang trong phản ứng PCR 2. Thành phần: - Nucleotide gắn huỳnh quang Cy5 -BHQ3 Nồng độ 1OD (khoảng 800 phản ứng) 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Ống 1 OD	
174	Nước cất SHPT	1.000	ml	Nước chuyên cho SHPT không chứa ARN, ADN và các enzyme nuclease như DNase, Rnase	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500ml/chai	
175	Ethanol BDH	6.000	ml	$C_2H_5OH \geq 99.9\%$, Hợp chất cacbonyl $\leq 0.003\%$, Aldehydes $\leq 0.001\%$, Khối lượng mol: 46.07 g/mol, Hình thể: thể lỏng, không màu, Độ pH: 7,0 ở 10 g/l 20 °C, Điểm nóng chảy: -114,5 °C, Điểm sôi/khoảng sôi: 78,3 °C ở 1.013 hPa, Điểm chớp cháy: 12 °C, Giới hạn dưới của cháy nổ: 3,1 %(V), Giới hạn trên của cháy nổ: 27,7 %(V), Áp suất hóa hơi: 59 hPa ở 20 °C, Tỷ trọng hơi tương đối: 1,6, Mật độ: 0,790 - 0,793 g/cm ³ ở 20 °C, Tính tan trong nước: ở 20 °C có thể pha trộn hoàn toàn, Độ nhớt, động lực: 1,2 mPa.s ở 20	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1000ml/chai	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
176	Dài 4 ống 0,1ml kèm nắp	5	Túi	Dài 4 ống 0,1ml và nắp Chứng nhận DNase, RNase free và và không chứa chất ức chế PCR Chất liệu: virgin polypropylene Tương thích với máy RotorGene	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	250 Strip/ Túi	
177	Amoni acetat CH ₃ CO ₂ NH ₄	1	hộp	Đạt tiêu chuẩn phân tích ACS, Reag. Ph Eur Công thức hóa học: CH ₃ CO ₂ NH ₄ Trọng lượng phân tử: 77.08 g/mol Dạng rắn tinh thể, màu trắng Mật độ: ~ 1.17 g/cm ³ (ở 20 °C) Điểm nóng chảy: ~ 114 °C Độ tinh khiết: ≥ 98.0%	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	500g/hộp hoặc quy cách khác	
178	Ống môi trường vận chuyển	200	ống	Mục đích sử dụng: Dùng để thu thập và vận chuyển các mẫu bệnh phẩm có khả năng lây nhiễm chứa virus, Mycoplasma và Ureaplasma (Cytomegalovirus và Chlamydia khác). Thành phần là dung dịch muối cân bằng Hanks; chất bảo vệ protein, các kháng sinh để kiểm soát nhiễm khuẩn, hệ đệm kiểm soát pH, chất bảo quản đông lạnh giúp bảo quản tế bào, virus nếu mẫu được bảo quản đông lạnh trong thời gian dài, phenol red dùng làm chất chỉ thị pH. Là môi trường vận chuyển không nhân lên theo tiêu chuẩn FDA Vô trùng: Nấm và vi khuẩn không phát triển được sau 14 ngày ủ. Đạt ISO 13485: 2016, CE-IVD	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	50 ống/ Hộp	

TT	Danh mục hàng hóa/ dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Quy cách đóng gói (nếu có)	Ghi chú
179	Bộ tạo pha động Dionex EGC 500 KOH	2	Hộp	Bộ tạo pha động Dionex EGC 500 KOH tương thích với thiết bị sắc ký ion kép model: Dionex Aquion Kích thước (cao x đường kính): 25.4 × 10.8 cm (10 × 4.25 in) Trọng lượng: 1.4 kg (3.0 lb) Phạm vi nồng độ: 0.1–100 mM Tốc độ dòng chảy: 0.10–3.00 mL/min Áp suất vận hành tối đa: 34.5 MPa (5000 psi) Nồng độ dung môi tối đa: Dionex EGC 500 KOH–25% methanol	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 cái/hộp	
180	Bộ tạo pha động Dionex EGC 500 MSA	2	Hộp	Bộ tạo pha động Dionex EGC 500 MSA tương thích với thiết bị sắc ký ion kép model: Dionex Aquion Kích thước (cao x đường kính): 25.4 × 10.8 cm (10 × 4.25 in) Trọng lượng : 1.4 kg (3.0 lb) Phạm vi nồng độ: 0.1–100 mM Tốc độ dòng chảy: 0.10–3.00 mL/min Áp suất vận hành tối đa: 34.5 MPa (5000 psi) Nồng độ dung môi tối đa: Dionex EGC 500 MSA–no solvents	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	1 cái/hộp	
181	Dị nguyên bụi bông	1	lọ	Sản phẩm được chiết xuất và chuẩn hóa từ bụi bông/bụi môi trường lao động, có chứa các thành phần dị nguyên đặc trưng. Dạng bào chế: Dung dịch 10ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê Hồng Phong, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	Hộp 1 lọ	
182	Dị nguyên xăng dầu	1	lọ	Chiết xuất/chuẩn hóa từ xăng dầu hoặc các dẫn xuất hydrocarbon liên quan. Dạng bào chế: Dung dịch 10ml	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An, Số 140 Lê	Hộp 1 lọ	

[illegible]

Ghi chú: Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT, các loại phí, lệ phí và các chi phí liên quan khác (nếu có).

2. Thư chào giá có hiệu lực tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày / / .

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận kinh doanh hoặc đăng kí hộ doanh nghiệp hoặc các tài liệu khác tương đương; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của hàng hóa trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật.
- Những thông tin trong báo giá là trung thực./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:....

....., ngày tháng năm ...

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)